# HƯỚNG DẪN MỞ PORT MỘT SỐ MODEM THÔNG DỤNG

# 1. THÔNG SỐ CẦN BIẾT TRÊN CAMERA.

Giả sử camera của địa chỉ - IP address : 192,168,1	IP trong LAN: 200			
Network	type			
💿 LA	N			
C	) Get IP address au	utomatically		
۲	) Use fixed IP addro	ess		
	IP address		192.168.1.197	
	Subnet mask		255.255.255.0	
	Default router		192,168,1,1	
	Drimary DNS		202 162 0 191	
	Primary DNS		203.102.0.181	
	Secondary DNS		203.162.4.191	
✓	Enable UPnP pres	sentation		
	] Enable UPnP por	t forwarding	I	
- Port cho camera:				
<u>Series 7000:</u>		9	<u>Series: 6000</u>	
Http port: 5000			Http port: 5000	
RTSP port: 5001			UDP video port	: 5001
ľ			UDP audio port	: 50002
НТТР			r in the second s	
HTTP port	5000	нттр		
RTSP streaming		L		5001
Enable RTSP authentication			THP POIL	1001
Access name	live.sdp	Strea	ming	
RTSP port	5001	ι	JDP audio channel port	5002
RTP port for video	5558	1	IDD video channel port	5003
RTCP port for video	5559	(	oor video channei port	5003
RTP port for audio	5556			Save
RTCP port for audio	5557			

# 2. MỘT SỐ MODEM THÔNG DỤNG.

### 2.1 Mở port trên modem router Zyxel.

- **Bước 1** Gõ địa chỉ IP của modem router vào thanh address trong web browser. Theo mặc định địa chỉ IP của router Zyxel là <u>http://192.168.1.1</u>

Bước 2: Điền username và password để truy cập vào modem router. Theo mặc định username là admin và password là 1234. Sau khi truy cập vào router bạn sẽ quan sát thấy menu sau:

Site Map		
Wizard Setup	Advanced Setup	Maintenance
Wizard Setup	Password	System Status DHCP Table
	Security Dynamic DNS	Firmware
	Remote Management	
	Site Map Wizard Setup Wizard Setup	Site Map Wizard Setup Wizard Setup Wizard Setup Mizard

- Bước 3: Click chuột vào NAT giữa màn hình bạn sẽ quan sát thấy menu sau:

	NAT - Mode
Wizard Setup	Network Address Translation
Advanced Setup	SULA Only Edit Details
e Password	O Full Feature Edit Details
r LAN	
r NAT	
r Security	Apply Apply
< Dynamic DNS	
r Remote Management	
Maintenance	

Bước 4: Ngay khi menu trên xuất sẽ xuất hiện dấu chấm tại trường SUA Only (mặc định lựa chọn SUA Only). Click chuột vào tuỳ chọn Edit Detail kề bên cạnh SUA Only bạn sẽ quan sát thấy menu sau:

	NAT - Edit St	IA/NAT Server Set		
Nizard Setup		Start Port No.	End Port No.	IP Address
Advanced Setup	1	All ports	All ports	0000
Pasaword	2	80	80	192.168.1.33
- LAN	3	0	0	0.0.0.0
r NAT	4	0	0	0.0.0
Departer DMS	5	0	0	0.0.0.0
Remote Management	6	0	0	0000
	7	0	0	0.0.00
faintenance	8	0	d o Cha	0000
nond	9	0	0	0000
	10	0	0	0.0.0.0
	11	0	0	0000
	12	0	0	0.0.00

- Bước 5: Gõ vào hộp thoại Start Port No: nhập vào port cần chuyển tiếp

End Port No: nhập vào port cần chuyển tiếp

IP Address điền vào địa chỉ IP của camera

# Ví dụ: Ta có 2 camera

* Camera series 7000:	* Camera series 6000:
Start port No: 5000	Start port No: 5000
End port No : 5001	End port No : 5002
IP address: 192.168.1.200	IP address: 192.168.1.200

## <u>\* Chú ý:</u>

- Trường hợp khác của Zyxel vào **Network** ->**NAT** -> chọn **Port forwarding** rồi chọn **User define** như hình.

ZyXEL							? 🕄
P-660R-T1 v2 Network - WAN - LAN - NAT	Network > NAT > Por General Por Default Serve Port Forward Service Nam	t Forwarding t Forwarding er Setup er 0.0.0.0 ing e ywwy		] Server J	P Address 0.0.0	).0	Add
E Security E-Advanced E-Maintenance	* Acti 1 v 2 v	VE WWWV FTTPS FTP E-mail (SMTP) E-mail (POP3) Telnet NetMeeting PPTP IPSec VoIP (SIP) TFTP Real-Audio User define	Vame RA A2	Start Port 7135 7137	End Port 7136 7138 Ny Cance	Server IP Address 192.168. 1.200 192.168. 1.250	Modify 医 <sup>2</sup> 面 医 <sup>2</sup> 面

- Sau đó sẽ xuất hiện Rule Setup

ZyXEL		Active: phải được check Service Name: tên cho camera
P-660R-T1 v2 Network -WAN -LAN -NAT Security Advanced E-Maintenance	Network > NAT > Port Forwarding          Rule Setup         Active         Service Name         Start Port         End Port         Server IP Address	Start port, end port: port bắt đầu và kết thúc cho camera Server IP Address: địa chỉ lp của camera => Click Apply

#### 2.2 Mở port cho modem router D-link.

- Bước 1: Gõ địa chỉ IP của modem router vào thanh address trong web browser. Theo mặc định địa chỉ IP của modem router Dlink là <u>http://192.168.1.1</u>
- **Bước 2**: Điền username và password để truy cập vào modem router. Theo mặc định username là admin và password là admin. Sau khi truy cập vào modem router bạn sẽ quan sát thấy menu sau:

D-Link Building Networks for People		DSL-504T ADSL Router						
	Home	Advanced	Tools	Status	Help			
Wizard	Setup Wiza The DSL-504 The setup wiz Service Provid minures. Plea	ard [adv] F is an ADSL Router idea ard will guide you to confi er(). The DSL-504T's eas se follow the setup wizar	I for home networkir gure the DSL-504T y setup will allow you d steo by steo to cor	g and small business i o connect to your ISP (I to have internet acces figure the DSL-504T.	networking. nternet s within			
DHCP DNS Dynamic DNS		(	Run Wizard					

- Bước 3: Chọn tab Advanced rồi vào phần Lan Clients: Add địa chỉ IP của Camera
  - IP address: nhập địa chỉ IP của camera Hostname: tên camera tương ứng
  - => sau đó chọn Add

Home	Adv	anced	Tools	Statu
LAN Clients				
IP Address				
Host Name				
			Add	
		-		
		Valid IP Range:	192.168.0.151 - 192.	168.0.200
	Static	Addresses		
	Delete	IP Address	Host Names	Type
		192.168.0.100	FTP_Server	Static
	A Design of the second second second			
	Dynan	nic Addresse	S	

Mục LAN IP: chọn địa chỉ camera tương ứng mà ta đã thêm vào trong mục Lan Client Chọn mục user rồi chọn Add.

Category	Available Rules	_	Applied Rules	
O Games				
O VPN				
Audio/Video		Add >		
🔿 Apps		< Remove)		
<ul> <li>Servers</li> </ul>				
Oser				
	Add Edit Dele	ete		

- Bước 5: xuất hiện Rule Management

Rule Name: tên rule Protocol: chọn giao thức, thông thường nên chọn cả hai Port Start, Port End, Port Map, Port Map End: nhập port muốn chuyển tiếp.

=> Nhấn apply để xác nhận việc thiết lập

Rule Ma	inagement					
	Rule Name	Camera				
	Protocol	TCP	*			
	Port Start			Port E	nd	
	Port Map			Port M	lap End	
				<b>6</b> 3		
			Apply	Cancel		
Protoco	Port S	tart	Port End	Port Map	Port Map End	Delete
TCP,UD	P 100	)	100	100		

-Bước 6: Sau đó trở về mục Virtual Server:

Trong phần **Available Rules** chọn rule vừa tạo tương ứng IP Lan của camera trong mục Rule Management, sau đó nhấn ADD để chuyển sang phần **Applied Rule**.

=> Sau đó nhấn Apply để kết thúc

### 2.3 Mở port cho modem router SIEMENS, TCL, TP-Link, ....

- Bước 1: Gõ địa chỉ IP của modem router vào thanh address trong web browser. Theo mặc định địa chỉ IP của modem router là <u>http://192.168.1.1</u>
- **Bước 2**: Điền username và password để truy cập vào modem router. Theo mặc định username là admin và password là admin.
- Bước 3: Chọn Advanced Setup rồi chọn NAT, tiếp tục chọn Virtual servers rồi chọn nút Add.

Sau đó chọn mục Custom server và nhập tên mô tả cho từng camera

SIEME	NS	
Device Info Advanced Setup WAN	NAT - Virtual Servers Select the service name, and enter the server IP address and click "Save/Apph Port End" cannot be changed. It is the same as "External Port End" nor either one is modified. Remaining number of entries that can be configured:31 Server Name:	sly" to forward IP packets for this service to the specified server. NOTE: The "Internal irmally and will be the same as the "Internal Port Start" or "Esternal Port End" if
LAN NAT	select a Services     Select One	Nhập địa chỉ cho camera
Virtual Servers Port Triggering	Custom Server: Server IP Address: 192.168.1.	tương ứng
DM2 Host Security Routing DNS	Eutonal Deck Start/Eutonal Deck End Deckard Totanal Deck	Save/Apply
DSL Diagnostics Management		
Nhập po	rt bắt đầu và kết thúc	
cho came	era rõi chọn giao thức	
tương ứn	g ở mục Protocol	

#### 2.4 Mở port cho modem router Draytek.

- **Bước 1:** Gõ địa chỉ IP của modem router vào thanh address trong web browser. Theo mặc định địa chỉ IP của modem router là <u>http://192.168.1.1</u>
- **Bước 2**: Điền username và password để truy cập vào modem router. Theo mặc định username là admin và password là admin. Sau khi truy cập vào modem router bạn sẽ quan sát thấy menu sau:
- Bước 3: Chọn NAT Setup rồi chọn Open ports Setup .

<b>Dray</b> Tek	Model : Vigor2500 Firmware Version : v2.51 Build Date/Time : Tue May 25 1 LAN MAC Address : 00-50-7F-E0-5	7:7:66.33 2004 Vigor seri AA-F7 250	0		
Main > Advanced Setup > NAT S	Setup				
>> <u>Con</u> >> <u>DMZ</u> >> <u>Ope</u> >> <u>Vie</u> Private 10.0.0	Antipure Port Redirection Tab Z Host Setup en Ports Setup w Well-Known Ports List P Address Range defined by 0.0 10.255.255.255	le RFC-1918: (10/8 prefix)			
172.16	5.0.0 172.31.255.255 58.0.0 192.168.255.255	(172.16/12 prefix) 5 (192.168/16 prefix)			
	Converight/c) 2009 DrawTe	k Carp. All Dickle Reserved			
copyingni(c) 2003, braytek corp. All nights reserved.					

- Bước 4: Sau đó tiếp tục chọn 1 mục (từ 1 đến 10) trong phần Index, sau đó phải check vao ô Enable Open ports

Dray	Model : Vig Firmware Version : v2: Build Date/Time : Tue LAN MAC Address : 004	or2500 51 : May 25 17:7:56.33 2004 50:7F-E0-5A-F7	orseries 2500	
Main > Advanced	I Setup > NAT Setup > Open Ports Setup >	• Edit Open Ports Setup		
	Index No. 1  Comment IP PHONE		Comment: tê Local compu cho tương ứn	n mô tả cho camera I <b>ter:</b> nhập địa chỉ lp g camera
	Local Computer         192         168           Protocol         Start Port         End F           1.         TCP ♥         1801         1801           2.         UDP ♥         1         1102           3.         0         0         0	I     III     Choose Protocol       Port     Protocol     Start I       6.     I     0       7.     I     0       8.     I     0       9.     I     0	Port         End Port           0         0           0         0           0         0           0         0           0         0	
Protocol: chon giao the (TCP hay UDP , Start port, End port: p thúc tương ứng với	ức cho camera .) port bắt đầu kết i camera	10. – V 0	0	